TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 593/2023/HC-PT
Ngày 26/7/2023
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Nguyễn Văn Minh

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 572/2022/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 1022/2022/HC-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1795/2023/QĐXXPT-HC ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa:

- *Người khởi kiện:* Ông Lê Văn Ch, sinh năm 1950; cư trú tại: 513D đường 11, khu phố 4, phường An P, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Ch: Bà Lê Kim Q, sinh năm 1982; cư trú tại: 513 D đường 11, khu phố 4, phường An P, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 28/6/2023); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 168 Trương Văn B, phường Thạnh Mỹ L, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Bà Nguyễn Ngọc H - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thủ Đ; có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn Ch là người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lê Văn Ch trình bày:

Nhà đất tại ấp An B, xã An P, huyện Thủ Đ (sau này là khu phố 4, ấp An B, phường An P, quận 2, nay là thành phố Thủ Đ) có diện tích khoảng 6000 m^2 có nguồn gốc là nhà nghỉ của Tổng thống chế độ cũ, sau năm 1975 nhà nước tiếp quản và giao Sở Nông nghiệp quản lý làm trang trại chăn nuôi heo. Năm 1980, Sở Nông nghiệp đăng ký kê khai theo chỉ thị 299/TTg nhưng chỉ thực hiện chăn nuôi heo đến 1986. Ông Lê Văn Ch quản lý, sử dụng diện tích đất khoảng 666,4m^2 tại số 513D đường số 11, khu phố 4, phường An Phú, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1980 xây nhà trên đất. Ngày 07/04/1997 ông Ch thực hiện kê khai thuế đất cho giai đoạn 1992-1996 diện tích đất 6000m^2 đất tại 513D, trong đó có 200m^2 đất xây dựng nhà ở, với tổng số tiền thuế là 1.449.000 đồng. Ngày 23/04/1997 ông đã nộp thuế cho cơ quan nhà nước. Ngày 27/04/1997 ông Ch nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất đối với nhà đất nêu trên.

Ngày 04/12/1998, Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành Quyết định 2528/QĐUB-QLĐT thu hồi đất do ông Ch sử dụng; đồng thời, giao Phòng Quản lý đô thị đo đạc và cắm mốc ranh, giao cho Uỷ ban nhân dân phường An P quản lý theo quy định pháp luật.

Ngày 18/07/1999 ông Ch có đơn xin cứu xét quyết định thu hồi đất. Trong thời gian chờ giải quyết đơn thì ngày 13/08/1999, đại diện phòng Quản lý đô thị và đại diện Phòng tư pháp lập Biên bản bàn giao với sự chứng kiến của ông Bùi Minh H; tổ công tác thu hồi diện tích đất 682m^2 và giao cho phường An P quản lý; đồng thời xác định trên đất có 01 căn nhà số 513D và 01 căn nhà không số do ông Ch xây dựng.

Mặc dù diện tích đất nêu trên Ủy ban nhân dân Quận 2 đã có quyết định thu hồi đất, tổ công tác đã lập biên bản thu hồi và bàn giao đất; tuy nhiên, Phòng Quản lý đô thị không thực hiện đo đạc và cắm mốc ranh; trên thực tế ông Ch vẫn là người quản lý, sử dụng nhà đất liên tục từ đó đến nay. Ngày 01/10/2012, Ủy ban nhân dân phường An Pcó Công văn số 463/UBND báo cáo nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà, đất của ông Ch, kiến nghị Ủy ban nhân dân Quận chỉ đạo thực hiện cưỡng chế thu hồi mặt bằng nhưng đến nay chưa thực hiện (CV 230/UBND-TNMT ngày 22/06/2020). Như vậy, nhà, đất tại số 513D đường số 11, khu phố 4, phường An Pdo ông Ch quản lý, sử dụng liên tục đến nay; đã thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước; diện tích nhà, đất không có tranh chấp; Ủy ban nhân dân Quận 2 có quyết định thu hồi đất nhưng đến nay chưa thực hiện.

Thứ hai: Quyết định 2528/QĐUB-QLĐT ngày 04/12/1998 của Uỷ ban nhân dân quận 2 không đúng thẩm quyền. Tại Công văn số 06/BC-UB ngày 05/03/1998 của phường An Pxác định *"sau năm 1975 nhà nước tiếp quản do Sở Nông nghiệp quản lý làm trại nuôi heo".* Quyết định 2528/QĐUB-QLĐT cũng xác định*"sau năm 1975 nhà nước tiếp thu và giao cho Sở Nông nghiệp quản lý làm trại nuôi heo"; "từ sau 1980 Sở Nông nghiệp không có nhu cầu sử dụng".* Tại Công văn số 1566/SNN-KHTC ngày 17/11/2006, Sở Nông nghiệp xác định nhà đất tại ấp An B, xã An P, huyện Thủ Đ (sau này là khu phố 4, ấp An B, phường An P, quận 2) là do *"Thành phố giao Sở Nông nghiệp quản lý, sử dụng".*

Tại khoản 2 Điều 24 Luật Đất đai 1993 quy định *"Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giao đất cho các hộ gia đình và cá nhân".* Như vậy, phần nhà đất mà Sở Nông nghiệp quản lý, sử dụng được giao bởi Ủy ban nhân dân Thành phố. Tại Điều 28 Luật Đất đai 1993 quy định *"Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất nào thì có quyền thu hồi đất đó".*

Như vậy, Ủy ban nhân dân quận 2 không giao đất cho Sở Nông nghiệp, không giao đất cho ông Ch; Ủy ban nhân dân Thành phố giao đất cho Sở Nông nghiệp; do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố mới có thẩm quyền thu hồi một phần do ông Ch quản lý, sử dụng và xây nhà trên đất mà Ủy ban nhân dân Thành phố đã giao cho Sở Nông nghiệp nhưng Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành quyết định thu hồi đất là không đúng thẩm quyền. Đồng thời, Ủy ban nhân dân Quận 2 đã không giải quyết đơn cứu xét của ông Ch từ 1998 đến nay là không đúng quy định, không bảo đảm quyền lợi của ông Ch.

Thứ ba: Ông Ch thuộc trường hợp được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyết định 2528/QĐ-UBND ngày 04/12/1998 xác định *"từ sau năm 1980 Sở Nông nghiệp không có nhu cầu sử dụng".* Quyết định 2528/QĐ-UBND ngày 04/12/1998 được ban hành nhưng việc đo đạc, cắm ranh để bàn giao đã không được thực hiện; cho đến nay vẫn chưa thực hiện việc cắm ranh và thu hồi đất trên thực tế; nhà, đất vẫn do ông Ch quản lý, sử dụng từ trước đến nay. Phần nhà, đất do ông Ch quản lý, sử dụng thuộc quy hoạch đất ở hiện hữu theo Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 26/03/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Khoản 3 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định:

3. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng hoặc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì thực hiện xử lý như sau:

a) Trường hợp đang sử dụng đất thuộc quy hoạch sử dụng đất cho các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai thì Nhà nước thu hồi đất trước khi thực hiện dự án, công trình đó.

Người đang sử dụng đất vi phạm được tạm thời sử dụng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng phải giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng đất và phải kê khai đăng ký đất đai theo quy định;

b) Trường hợp đang sử dụng đất không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Điều 36 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định *"Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà trước đây cơ quan nhà nước đã có quyết định quản lý đối với đất đai, tài sản đó trong quá trình thực hiện chính sách của Nhà nước nhưng thực tế Nhà nước chưa thực hiện quyết định thì người đang sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được tiếp tục sử dụng và được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật".*

Đồng thời, tại Công văn số 1566/SNN-KHTC ngày 17/11/2006, Sở Nông nghiệp xác định *"diện tích đất do ông Lê Văn Ch và ông Trần Xuân Trí không thuộc tài sản nhà ở và đất tự quản của Sở Nông nghiệp";* đồng thời, cũng không viện dẫn hay xác định việc giao nhà, đất của Ủy ban nhân dân Thành phố cho Sở Nông nghiệp theo quyết định nào.

Như được nêu tại phần 2 bên trên, Quyết định thu hồi đất ban hành không đúng thẩm quyền và cho đến nay việc thu hồi vẫn chưa được thực hiện; mục đích thu hồi không thuộc các trường hợp được quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai 2013; hiện tại phần đất thuộc quy hoạch đất ở. Do vậy, ông Ch thuộc trường hợp được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Thứ tư: Quyết định 2528/QĐ-UBND ngày 04/12/1998 là Quyết định hành chính liên quan, cụ thể như sau:

- Công văn số 1560/UBND-TNMT ngày 28/06/2006 của Ủy ban nhân dân quận 2; theo đó, sau khi xem xét đã không giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận do phần đất mà ông Ch xin cấp giấy chứng nhận đã có Quyết định 2528/QĐ-UBND ngày 04/12/1998;

- Công văn số 3610/UBND-TMNT ngày 27/09/2019 của Ủy ban nhân dân quận 2, sau khi xem xét đã không giải quyết quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận do phần đất mà ông Ch xin cấp giấy chứng nhận đã có Quyết định 2528/QĐ-UBND ngày 04/12/1998.

Như vậy, Quyết định 2528/QĐ-UBND ngày 04/12/1998 là văn bản được dẫn chiếu và căn cứ là cơ sở để Ủy ban nhân dân Quận 2 đưa ra quyết định không giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận của ông Ch, do đó, Quyết định 2528/QĐ-UBND ngày 04/12/1998 là quyết định hành chính có liên quan trực tiếp đến Công văn số 1560/UBND-TNMT ngày 28/06/2006, Công văn số 3610/UBND-TMNT ngày 27/09/2019; có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích của ông khi thu hồi nhà, đất mà ông Ch đã quản lý sử dụng và đã đóng thuế cho nhà nước và thực tế quản lý sử dụng không có tranh chấp từ đó đến nay.

Từ những lý do trên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Ch

- Huỷ Văn bản 3610/UBND-TMNT ngày 27/09/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức);

- Xem xét tính hợp pháp và huỷ Quyết định 2528/QĐUB-QLĐT ngày 04/12/1998 của Ủy ban nhân dân quận 2 (nay là Uỷ ban nhân dân thành phố Thủ Đ) Thành phố Hồ Chí Minh;

- Buộc Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là Uỷ ban nhân dân Thành phố Thủ Đ), Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối tại số 513 D đường số 11, khu phố 4, phường An K, Quận 2 (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đ), Thành phố Hồ Chí Minh

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đ có văn bản số 2230/UBND-TNMT ngày 22/6/2020 ý kiến đối với đơn khởi kiện.

Về nguồn gốc nhà, đất: Theo xác nhận pháp lý ngày 23/4/2018 của Ủy ban nhân dân phường An Pvề nguồn gốc nhà đất: Phần diện tích 664,4 m^2 thuộc thửa 12 tờ bản đồ số 01 (tài liệu đo năm 2003) có nguồn gốc nhà nghỉ mắt của Tổng thống chế độ cũ. Sau năm 1975 Nhà nước tiếp thu và giao cho Sở Nông nghiệp quản lý làm trại chăn nuôi. Năm 1980 ông Lê Văn Ch tự ý sử dụng phần đất trên và xây dựng căn nhà số 513D An Bình xã An Phú (nay là nhà số 513D đường số 1, khu phố 4). Năm 1982 Sở Nông nghiệp đăng ký Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Năm 1997 ông Ch tiến hành lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được giải quyết.

Ngày 04/12/1998 Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành Quyết định số 2528/QĐ-UB-QLĐT, về thu hồi đất thuộc một phần thửa số 466 tờ bản đồ số 02 (Tài liệu 299/TTg) nay thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 01 (theo Tài liệu đo năm 2003) do ông Lê Văn Ch chiếm dụng trái phép. Ngày 13/8/1999 Phòng quản lý đô thị quận, phòng Tư pháp quận và Thanh tra quận lập biên bản thu hồi và bàn giao phần đất trên cho Ủy ban nhân dân phường An Pquản lý nhưng hiện trạng trên đất còn 02 căn nhà của ông Lê Văn Ch đang ở. Ngày 01/10/2012 Ủy ban nhân dân phường An Pcó Công văn số 463/UBND báo cáo nguồn gốc quá trình sử dụng nhà, đất của ông Lê Văn Ch theo đó kiến nghị Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo thực hiện cưỡng chế thu hồi lại mặt bằng nhưng đến nay chưa thực hiện. Hiện ông Lê Văn Ch đang sử dụng và có cơi nới thêm diện tích xây dựng.

Về quy hoạch: Vị trí nhà đất thuộc quy hoạch đất ở hiện hữu theo Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 26/3/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Lộ giới đường 11 là 12m, lộ giới hẻm hướng Tây Nam là 4,5m theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 của Ủy ban nhân dân quận 2.

Về quá trình giải quyết hồ sơ: Năm 1997 ông Lê Văn Ch lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với nhà đất nêu trên nhưng không được giải quyết. Ngày 04/12/1998 Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành Quyết định số 2528/QĐ-UB-QLĐT về thu hồi đất thuộc một phần thửa số 466, tờ bản đồ số 02 (Tài liệu 299/TTg nay thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 01 theo Tài liệu do năm 2003) do ông Lê Văn Ch chiếm dụng trái phép. Năm 2006, ông Ch nộp lại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận.

Ngày 28/3/2006 Ủy ban nhân dân Quận 2 có Công văn số 1560/UBND-TNMT về hoàn trả hồ sơ do nhà đất có quyết định thu hồi đất. Năm 2018 ông Ch tiếp tục nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với nhà đất số 513D đường số 11 khu phố 4 phường An Phú, quận 2 nêu trên. Tuy nhiên không có tình tiết mới nên không đủ cơ sở xem xét giải quyết. Do đó, ngày 27/9/2019 Ủy ban nhân dân quận 2 có Công văn số 3610/UBND-TNMT về hoãn trả hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Lê Văn Ch (đại diện) đối với nhà đất nêu trên. Việc Ủy ban nhân dân quận 2 có Công văn 3610/UBND-TNMT ngày 27/9/2019 về hoàn trả hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Lê Văn Ch đại diện là phù hợp quy định pháp luật. Do đó việc ông Lê Văn Ch, khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 3610/UBND-TNMT ngày 27/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 và yêu cầu Ủy ban nhân dân quận 2 thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà đất nêu trên là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 1022/2022/HC-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 3, Điều 32, Điều 116, Điều 123, Điều 143, Điều 157, Điều 193, Điều 194 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Ch:

- Bác yêu cầu tuyên huỷ Văn bản 3610/UBND-TMNT ngày 27/09/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là Uỷ ban nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bác yêu cầu xem xét tính hợp pháp và tuyên huỷ Quyết định 2528/QĐUB-QLĐT ngày 04/12/1998 của Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức) Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận 2 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối tại số 513 D đường số 11, khu phố 4, phường An K, quận 2 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/7/2022 ông Lê Văn Ch kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận kháng cáo sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông Ch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau: Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng và các đương sự xin xét xử vắng mặt, tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung kháng cáo của ông Lê Văn Ch. Tại phiên toà Hội đồng xét xử công bố Đơn đề

nghị rút yêu cầu khởi kiện, lập ngày 12/6/2023 của ông Lê Văn Ch; Giấy uỷ quyền ngày 28/6/2023 của ông Lê Văn Ch cho bà Lê Kim Q; ngày 06/7/2023 khi làm việc tại Toà cấp phúc thẩm, bà Lê Kim Q rút toàn bộ đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của ông Lê Văn Ch, xin xét xử vắng mặt trong các phiên toà phúc thẩm; đồng thời bà Lê Kim Q làm đơn kèm theo rút toàn bộ đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của ông Lê Văn Ch; tại phiên toà bà Lê Kim Q vắng mặt, UBND thành phố Thủ Đ vắng mặt nhưng có đơn không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của ông Lê Văn Ch, còn việc rút đơn kháng cáo thì đề nghị giải quyết theo quy định tại Điều 218 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận rút đơn khởi kiện của ông Lê Văn Ch; chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của ông Lê Văn Ch, đình chỉ xét xử phúc thẩm, bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày 26/7/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

- Đơn kháng cáo của ông Lê Văn Ch đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn Ch, UBND thành phố Thủ Đức và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố Thủ Đức có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Căn cứ Đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện, lập ngày 12/6/2023 của ông Lê Văn Ch; Giấy uỷ quyền ngày 28/6/2013 của ông Lê Văn Ch cho bà Lê Kim Q, được Văn phòng Công chứng Lê Văn S chứng nhận; Biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2023, bà Lê Kim Q xác nhận đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện, lập ngày 12/6/2023 của ông Lê Văn Ch hoàn toàn tự nguyện, đúng của ông Lê Văn Ch và bà Lê Kim Q cũng rút toàn bộ đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của ông Lê Văn Ch, kèm theo Đơn rút toàn bộ đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của bà Lê Kim Q. Tại Công văn số 4235/UBND-TNMT ngày 25/7/2023 của UBND thành phố Thủ Đ gửi cho Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của ông Lê Văn Ch; đối với nội dung rút đơn kháng cáo của ông Lê Văn Ch, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 218 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3]. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; do người bị kiện UBND thành phố Thủ Đ không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của ông Lê Văn Ch, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 234 Luật tố tụng hành chính năm 2015 nên việc rút đơn khởi kiện của ông Lê Văn Ch không được chấp nhận. Song, bà Lê Kim Q người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn Ch, có đơn rút toàn bộ đơn kháng cáo của ông Lê Văn Ch, nên chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của ông Lê Văn Ch, theo quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 229 Luật tố tụng hành chính năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm, bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày 26/7/2023.

[4]. Do ông Lê Văn Ch rút đơn kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét bản án sơ thẩm; nếu có cơ sở cho rằng bản án sơ thẩm xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, thì ông Lê Văn Ch được quyền gửi đơn đến Tòa án nhân dân tối cao xem xét theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí hành chính phúc thẩm, do ông Lê Văn Ch rút đơn kháng cáo nên ông Lê Văn Ch phải chịu án phí, theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nhưng do người cao tuổi nên ông Lê Văn Ch được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 229 và khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

1. Không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của ông Lê Văn Ch; chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của ông Lê Văn Ch. Đình chỉ xét xử phúc thẩm, Bản án hành chính sơ thẩm số: 1022/2022/HC-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật từ ngày 26/7/2023.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn Ch được miễn.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công **Nguyễn Văn Minh** **Đặng Văn Ý**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP(5) (NTTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý

CÁC THÀNH VIÊN
CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công **Nguyễn Văn Minh** **Đặng Văn Ý**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP(5) (NTTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý

CÁC THÀNH VIÊN
CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công **Nguyễn Văn Minh** **Đặng Văn Ý**